| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 370/2026/HS – ST
Ngày: 31 - 7 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Phạm Nguyễn Phương Thà;

Bà Trần Ngọc Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tố Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số513/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026, theo định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Lữ Thị Bé T1, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2000 tại thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ; tạm trú: Tổ D, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Thế P, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con lớn nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2026 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989; địa chỉ: F đường D, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Trần Linh T2, sinh năm: 1988; địa chỉ: số A L, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Lữ Thế P, sinh năm: 1978; ấp B xã V, Thành phố Cần Thơ, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/6/2026, bị cáo Lữ Thị Bé T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, biển số 65AB-876.69 đi tìm các cơ sở kinh doanh vàng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Khi đến cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý K tại số F đường D, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo phát hiện cơ sở không có bảo vệ, bên trong chỉ có một người phụ nữ quản lý nên điều khiển xe chạy qua lại nhiều lần để quan sát, chờ thời điểm thuận lợi rồi dừng xe trước cửa tiệm, để xe dưới lề đường, máy nổ sẵn và cài sẵn số 2, rồi đi bộ vào trong giả vờ hỏi mua một chiếc lắc tay nữ bằng vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 li. Khi chủ cơ sở đưa chiếc lắc cho T1 xem, T1 giả vờ đeo thử vào tay rồi cầm chiếc lắc bỏ chạy ra xe. Nhìn thấy T1 bỏ chạy, chủ cơ sở lập tức vượt qua tủ kính trưng bày vàng, tri hô "cướp, cướp" và đuổi theo. Tuy nhiên, do đường vắng người, T1 đã chuẩn bị sẵn phương tiện, máy xe vẫn nổ và cài số 2 nên nhanh chóng điều khiển xe chạy thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo điều khiển xe mô tô đến cơ sở kinh doanh vàng Thiên Lộc tại số A đường L, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh bán chiếc lắc vàng cho chị Trần Linh T2 với số tiền 5.840.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản chiếm đoạt, bị cáo đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Cùng ngày 16/6/2026, chị Nguyễn Thị Thùy D đến Công an phường T trình báo sự việc. Quá trình xác minh, đến ngày 17/6/2026, Công an phường T mời bị cáo Lữ Thị Bé T1 đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 200/CT-VKS-KV16 ngày 14 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lữ Thị Bé T1 về tội "Cướp giật tài sản"theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểmb, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lữ Thị Bé T1 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc lắc tay, kiểu dáng nữ, loại vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 ly; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 65AB-876.69, số khung RLHJA3932TY417657, số máy JA70E1336895.

Tại Kết luận định giá tài sản số 39 ngày 23/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự phường T kết luận: 01 chiếc lắc tay, kiểu dáng nữ, loại vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 ly có giá trị tại thời điểm ngày 16/6/2026 là 5.840.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc lắc tay, kiểu dáng nữ, loại vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 ly là tài sản của chị Nguyễn Thị Thùy D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã thu hồi và trả lại tài sản cho chị D theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 65AB-876.69, số khung RLHJA3932TY417657, số máy JA70E1336895 là tài sản hợp pháp của ông Lữ Thế P, ông P là cha đẻ của bị cáo T1. Bị cáo T1 mượn xe của ông P để làm phương

tiện đi làm nhưng sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông P không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại xe cho ông P theo quy định.

Chị Trần Linh T2 mua chiếc lắc tay nữ bằng vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 li của bị cáo T1 mang bán với số tiền 5.840.000 đồng. Chị T2 không biết tài sản do T1 chiếm đoạt mà có nên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thùy D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết. Chị Trần Linh T2 đã nhận lại số tiền 5.840.000 đồng từ ông Lữ Thế P là cha đẻ của bị cáo T1 và không có yêu cầu gì thêm. Ông Lữ Thế P tự nguyện bồi thường thiệt hại cho chị Trần Linh T2 số tiền 5.840.000 đồng thay cho bị cáo T1 và không yêu cầu bị cáo T1 hoàn trả số tiền đã bồi thường nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Thị Bé T1 thống nhất với nội dung Cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,  an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của  quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Thị Bé T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/6/2026, tại cơ sở kinh doanh vàng bạc, đá quý K, số F đường D, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lữ Thị Bé T1 giả vờ mua vàng, yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy D cho xem và đeo thử 01 lắc tay nữ bằng vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 ly, trị giá 5.840.000 đồng. Sau đó, bị cáo nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, bỏ chạy và điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 200/CT-VKS-KV16 ngày 14/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Mặc dù giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn nhưng bị cáo đã có sự chuẩn bị trước khi thực hiện hành vi phạm tội như điều khiển xe đến tiệm vàng, để xe nổ máy, cài sẵn số nhằm thuận tiện cho việc tẩu thoát sau khi chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được bồi thường đầy đủ và không còn yêu cầu gì. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 lắc tay nữ bằng vàng 610, trọng lượng 07 phân 03 ly là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thùy D, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị D theo quy định. Chị D không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 65AB-876.69, số khung RLHJA3932TY417657, số máy JA70E1336895 là tài sản hợp pháp của ông Lữ Thế P. Bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nhưng ông P không biết bị cáo sửdụng vào việc thực hiện hànhvi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho ông P là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị Thùy D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Trần Linh T2 đã được ông Lữ Thế P trả lại số tiền 5.840.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm. Ông Lữ Thế P cũng không yêu cầu bị cáo hoàn trả khoản tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lữ Thị Bé T1 phạm tội "Cướp giật tài sản"

Xử phạt bị cáo Lữ Thị Bé T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2026.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban  vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

cáo Lữ Thị Bé T1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bảnán hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND Khu vực 16 – TP.HCM
- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Phòng THADS Khu vực 16 (01);
- Công an TP.HCM (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Sở Tư pháp TP.HCM (01);
- UBND các bị cáo thường trú (02);
- Phòng PV06 CA TP.HCM (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**